



**CÔNG TY CỔ PHẦN XD HẠ TẦNG CII**  
**185 HOA LAN, PHƯỜNG 2, PHÚ NHUẬN, TP.HCM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ 3 NĂM 2017**

**TP.HỒ CHÍ MINH-2017**



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1,346,670,034,303</b>	<b>1,093,459,794,646</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>996,282,104</b>	<b>27,225,375,665</b>
1. Tiền	111		996,282,104	25,980,237,725
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1,245,137,940
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>161,001</b>	<b>161,001</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		161,001	161,001
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>864,620,603,918</b>	<b>724,358,120,000</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	2	134,595,553,007	215,165,928,270
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	3	183,898,516,635	208,363,247,690
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	12	403,412,469,749	175,070,876,025
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.a	145,015,186,149	128,059,189,637
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2,301,121,622)	(2,301,121,622)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>473,002,450,375</b>	<b>336,946,955,920</b>
1. Hàng tồn kho	141	5	473,002,450,375	336,946,955,920
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8,050,536,905</b>	<b>4,929,182,060</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6.a	60,009,920	142,083,741
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7,990,526,985	4,787,098,319
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>295,216,929,646</b>	<b>124,305,771,848</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4,173,020,841</b>	<b>17,865,864,841</b>
5. Phải thu dài hạn khác	216	4.b	4,173,020,841	17,865,864,841
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>37,657,507,242</b>	<b>26,757,478,806</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	8,875,104,513	6,846,839,461
- Nguyên giá	222		24,935,138,252	21,066,138,252
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16,060,033,739)	(14,219,298,791)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	8	28,742,434,703	19,855,671,319
- Nguyên giá	225		33,309,876,347	21,672,603,620
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4,567,441,644)	(1,816,932,301)
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	39,968,026	54,968,026
- Nguyên giá	228		160,000,000	160,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(120,031,974)	(105,031,974)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>10</b>	<b>4,997,156,733</b>	<b>5,284,084,812</b>
- Nguyên giá	231		5,836,987,368	6,879,035,896
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(839,830,635)	(1,594,951,084)
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>11</b>	<b>232,610,000,000</b>	<b>57,410,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		112,610,000,000	57,410,000,000
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		120,000,000,000	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>15,779,244,830</b>	<b>16,988,343,389</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6.b	15,779,244,830	16,988,343,389
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1,641,886,963,949</b>	<b>1,217,765,566,494</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN** (tiếp theo)  
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1,176,368,123,329</b>	<b>752,673,986,514</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,163,662,239,970</b>	<b>741,861,661,775</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	110,462,770,793	59,171,424,551
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	183,913,987,176	126,531,678,934
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	10,445,206,145	3,224,482,537
4. Phải trả người lao động	314		1,614,470,505	1,906,486,113
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	1,483,386,683
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	7,800,000,000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	318,680,223,763	46,740,221,190
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17.a	538,545,581,588	495,003,981,767
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>12,705,883,359</b>	<b>10,812,324,739</b>
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17.b	12,705,883,359	10,812,324,739
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>465,518,840,620</b>	<b>465,091,579,980</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>465,518,840,620</b>	<b>465,091,579,980</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		415,000,000,000	415,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415,000,000,000	415,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		400,000,000	400,000,000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		6,555,530,896	6,491,138,089
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		43,563,309,724	43,200,441,891
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	538,776,665
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		43,563,309,724	42,661,665,226
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1,641,886,963,949</b>	<b>1,217,765,566,494</b>

Nguyễn Thị Khánh Phương  
Người lập biểu  
Ngày 19 tháng 10 năm 2017

Bùi Xuân Phước  
Kế toán trưởng




Phạm Vũ Thức  
Tổng Giám đốc

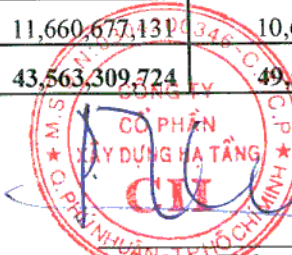
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

MÃ SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ III		Lũy kế từ 01/01 đến 30/09	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1	77,686,277,166	200,488,049,483	411,384,323,493	564,901,556,984
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	1	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1	77,686,277,166	200,488,049,483	411,384,323,493	564,901,556,984
4. Giá vốn hàng bán	11	2	63,081,257,059	179,523,649,198	335,304,140,178	502,024,663,257
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14,605,020,107	20,964,400,285	76,080,183,315	62,876,893,727
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3	12,565,785,698	12,188,230,367	32,664,898,873	36,996,529,057
7. Chi phí tài chính	22	4	15,136,730,620	8,786,997,290	35,992,000,441	26,673,165,316
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15,136,730,620	8,786,997,290	35,992,000,441	26,673,165,316
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5	6,273,673,133	4,354,148,562	16,932,510,381	11,934,655,373
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5,760,402,052	20,011,484,800	55,820,571,366	61,265,602,095
11. Thu nhập khác	31	6	98,037,385	170	136,553,967	31,820,330
12. Chi phí khác	32	7	-	714,216,270	733,138,478	1,115,979,544
13. Lợi nhuận khác	40		98,037,385	(714,216,100)	(596,584,511)	(1,084,159,214)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5,858,439,437	19,297,268,700	55,223,986,855	60,181,442,881
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	8	2,647,571,920	4,518,844,069	11,660,677,131	10,670,072,951
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3,210,867,517	14,778,424,631	43,563,309,724	49,511,369,930

  
Nguyễn Thị Khánh Phương  
Người lập biểu  
Ngày 19 tháng 10 năm 2017

  
Bùi Xuân Phước  
Kế toán trưởng

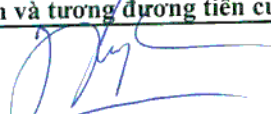
  
Phạm Vũ Thức  
Tổng Giám đốc

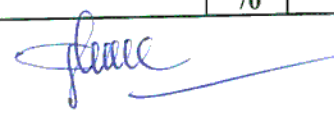
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Phương pháp gián tiếp)

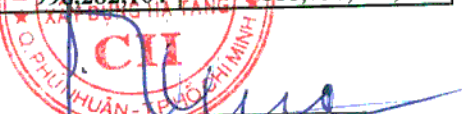
Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

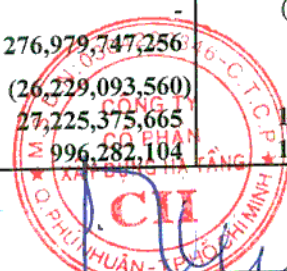
MẪU SỐ B 03-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	55,223,986,855	60,181,442,881
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4,610,616,792	4,215,973,369
Các khoản dự phòng	03	-	2,597,999
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(32,382,343,294)	(36,996,529,057)
Chi phí lãi vay	06	35,992,000,441	26,673,165,316
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	63,444,260,794	54,076,650,508
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	66,217,252,999	(57,787,530,433)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(136,055,494,455)	113,823,140,894
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	86,539,123,912	(91,019,415,042)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	1,291,172,380	(2,323,109,880)
Tiền lãi vay đã trả	14	(35,340,962,292)	(31,262,717,591)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5,326,449,633)	(22,896,547,998)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1,636,049,084)	(350,666,666)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	39,132,854,621	(37,740,196,208)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4,033,000,000)	(722,250,000)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(364,000,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	15,583,188,649	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1,000,000,000)	(5,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	15,417,993,149
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11,108,115,914	34,405,319,412
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(342,341,695,437)	44,101,062,561
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
3. Tiền thu từ đi vay	33	1,358,366,242,205	1,375,081,673,712
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1,073,219,674,237)	(1,293,403,533,407)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(8,166,820,712)	(4,892,797,262)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(73,420,425,949)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	276,979,747,256	3,364,917,094
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(26,229,093,560)	9,725,783,447
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	27,225,375,665	179,010,304,540
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	996,282,104	188,736,087,987

  
Nguyễn Thị Khánh Phương  
Người lập biểu  
Ngày 19 tháng 10 năm 2017

  
Bùi Xuân Phước  
Kế toán trưởng

  
Phạm Vũ Thứ  
Tổng Giám đốc



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ Phần Xây Dựng Hạ Tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304200346 cấp lần đầu ngày 19 tháng 1 năm 2006 bởi Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 là 415 tỷ VND, được chia thành 41,5 triệu cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Xây dựng và dịch vụ

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Xây dựng, kinh doanh, chuyển giao công nghệ công trình giao thông theo hình thức hợp đồng B.O.T;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; công trình công ích;
- Tư vấn kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, gia công dầm cầu thép, cấu kiện thép, sản phẩm cơ khí khác (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất bê tông và các thành phẩm từ xi măng, thạch cao (không hoạt động tại trụ sở);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị thi công (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Cung ứng các loại vật tư, thiết bị giao thông vận tải;
- Xây dựng cơ sở kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp, cụm dân cư và đô thị;
- Tư vấn môi giới đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
- Nuôi trồng thủy sản biển; trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp (không hoạt động tại trụ sở);
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Tư vấn về môi trường, tư vấn về công nghệ;
- Khai thác, xử lý nước;
- Thu gom, xử lý, tiêu hủy rác thải độc hại và không độc hại;
- Tái chế phế liệu;
- Bán buôn đồ điện gia dụng; đèn và bộ đèn điện;
- Lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Sản xuất đồ điện dân dụng, thiết bị điện khác (không hoạt động tại trụ sở);
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng.

34  
TY  
ÂN  
HÀ T  
[I]  
[PV]

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	100%	100%	Khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá
2. Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
3. Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Xây dựng công trình kỹ thuật
4. Công ty CP Cơ khí-Điện Lữ Gia	Tp. Hồ Chí Minh	99.81%	99.81%	Lắp đặt hệ thống điện; sản xuất, bán buôn, sửa chữa thiết bị điện

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam ( VNĐ)

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TRONG TRƯỜNG HỢP DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

## 2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

### Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

#### Đầu tư vào công ty con

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các Công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó

#### Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

#### Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh theo ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là các khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ tài chính về việc sửa đổi bổ



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản khấu hao tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính, bất động sản đầu tư**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 10

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của phần mềm máy tính, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 5 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành

**7. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính riêng.

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành.

Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

**12. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	3,935,349	922,285
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	992,346,755	25,979,315,440
Các khoản tương đương tiền	-	1,245,137,940
<b>Cộng</b>	<b>996,282,104</b>	<b>27,225,375,665</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	17,199,603,370	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	8,920,664,157	49,018,200,071
Công ty CP Hạ tầng nước Sài Gòn	16,185,543,721	73,620,073,257
Ban Quản Lý Dự án Đường Hồ Chí Minh	14,847,188,802	17,579,940,802
Công ty TNHH Xây Dựng Nền Móng Tam Đạt	5,817,141,868	9,080,796,341
Ban Quản Lý Dự án Giao Thông Nông Thôn Vĩnh Long	3,064,105,754	6,359,003,754
Công ty CP ĐTXD & TM 592	7,114,023,268	7,002,023,268
Công ty TNHH MTV XD Dân Dụng CII E&C	33,878,379,492	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Tuấn Lộc	6,200,631,144	-
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hạ Tầng VRG	1,662,271,455	-
Phải thu các khách hàng khác	19,705,999,976	52,505,890,777
<b>Cộng</b>	<b>134,595,553,007</b>	<b>215,165,928,270</b>

*Trong đó, phải thu các bên liên quan:*

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	16,185,543,721	73,620,073,257
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	8,920,664,157	49,018,200,071
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C	244,519,990	1,958,994,963
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	17,199,603,370	666,037,105
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Xây Dựng Ninh Thuận	1,280,288,994	1,280,288,994
Công ty TNHH MTV XD Dân Dụng CII E&C	33,878,379,492	-
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	1,519,360,000	840,000,000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TP.HCM	11,332,527	-
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hạ Tầng VRG	1,662,271,455	-
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Cầu Sài Gòn	475,696,190	475,696,190
<b>Cộng</b>	<b>81,377,659,896</b>	<b>127,859,290,580</b>

**3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	27,544,135,565	26,927,270,540
Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng CII E&C	63,307,128,952	51,308,947,077
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C	-	74,898,875,000
Công ty Cổ Phần Teracons	14,337,975,040	-
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	27,412,263,195	20,928,270,297
Công ty TNHH Xây Dựng Nền Móng Tam Đạt	38,907,603,081	24,078,730,487
Các đối tượng khác	12,389,410,802	10,221,154,289
<b>Cộng</b>	<b>183,898,516,635</b>	<b>208,363,247,690</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

<i>Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	27,412,263,195	20,928,270,297
Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng CII E&C	63,307,128,952	51,308,947,077
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C	-	74,898,875,000
Công ty CP Đầu tư Cầu đường CII	35,550,000	35,550,000
Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lữ Gia	-	2,553,351,450
<b>Cộng</b>	<b>90,754,942,147</b>	<b>149,724,993,824</b>

**4. PHẢI THU KHÁC**

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn</b>		
Tạm ứng vốn cho các đội thi công các công trình xây dựng	58,104,389,948	33,148,333,927
Góp vốn hợp tác kinh doanh	711,872,739	1,091,362,698
Ký cược, ký quỹ	31,150,560,506	1,450,560,506
Trả trước tiền mua cổ phần (i)	-	78,000,000,000
Phải thu người lao động	1,170,535,520	762,604,798
Thuế GTGT chờ kê khai của TSCĐ thuê tài chính	2,021,319,369	1,729,365,226
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi trái phiếu	12,498,562,246	166,411,559
Cổ tức, lợi nhuận phải thu	19,399,844,316	2,599,994,417
Phải thu chi phí sử dụng dụng cụ được hưởng từ nhà thầu	7,500,000,000	-
Phải thu do chi hộ	8,739,172,456	7,733,630,001
Các khoản phải thu khác	3,718,929,049	1,376,926,505
	<b>145,015,186,149</b>	<b>128,059,189,637</b>
<b>b. Phải thu dài hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ	4,173,020,841	17,865,864,841
	<b>4,173,020,841</b>	<b>17,865,864,841</b>
<b>Cộng</b>	<b>149,188,206,990</b>	<b>145,925,054,478</b>
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	-	78,000,000,000
Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng CII E&C (chi hộ)	20,033,722	-
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia (cổ tức)	15,000,000,000	-
Công ty CP Đầu tư hạ tầng kỹ thuật TPHCM (lãi hợp tác đầu tư)	7,071,018,913	-
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (cổ tức)	4,399,844,316	2,576,474,417
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng XLHN (lãi trái phiếu)	4,500,000,000	-
	<b>30,990,896,951</b>	<b>80,576,474,417</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**5. HÀNG TỒN KHO**

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	71,685,234,476	60,278,358,363
Chi phí dở dang các công trình xây dựng	401,317,215,899	276,668,597,557
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>473,002,450,375</b>	<b>336,946,955,920</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b>473,002,450,375</b>	<b>336,946,955,920</b>

**6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>60,009,919</b>	<b>142,083,741</b>
Chi phí thuê tài sản trả trước	-	41,220,900
Chi phí bảo hiểm trả trước	-	-
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	60,009,919	100,862,841
	-	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>15,779,244,830</b>	<b>16,988,343,389</b>
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	13,899,545,398	4,279,123,880
Chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá trị thanh lý của TSCĐ bán và thuê lại theo hợp đồng thuê tài chính	1,879,699,432	3,007,519,091
Chi phí thuê thiết bị chờ phân bổ	-	9,701,700,418
<b>Cộng</b>	<b>15,839,254,749</b>	<b>17,130,427,130</b>

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2017	10,721,230,800	9,608,607,452	736,300,000	21,066,138,252
Mua trong năm	-	3,873,000,000	49,000,000	3,922,000,000
Thanh lý trong năm	-	-	(53,000,000)	(53,000,000)
<b>Tại ngày 30/09/2017</b>	<b>10,721,230,800</b>	<b>13,481,607,452</b>	<b>732,300,000</b>	<b>24,935,138,252</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2017	8,303,016,935	5,456,072,871	460,208,985	14,219,298,791
Khấu hao trong năm	920,706,445	870,349,152	54,051,852	1,845,107,449
Thanh lý trong năm	-	-	(4,372,500)	(4,372,500)
<b>Tại ngày 30/09/2017</b>	<b>9,223,723,380</b>	<b>6,326,422,023</b>	<b>509,888,337</b>	<b>16,060,033,739</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2017	2,418,213,865	4,152,534,581	276,091,015	6,846,839,461
Tại ngày 30/09/2017	1,497,507,420	7,155,185,429	222,411,663	8,875,104,513



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Máy móc thiết bị

VND

**NGUYÊN GIÁ**

Tại ngày 01/01/2017

21,672,603,620

Thuê trong năm

11,637,272,727

Tại ngày 30/09/2017

33,309,876,347

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại ngày 01/01/2017

1,816,932,301

Khấu hao trong năm

2,750,509,343

Tại ngày 30/09/2017

4,567,441,644

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày 01/01/2017

19,855,671,319

Tại ngày 30/09/2017

28,742,434,703

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Phần mềm vi tính

VND

**NGUYÊN GIÁ**

Tại ngày 01/01/2017

160,000,000

Mua trong năm

-

Chuyển sang bất động sản đầu tư

-

Phân loại lại sang công cụ dụng cụ

-

Tại ngày 30/09/2017

160,000,000

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại ngày 01/01/2017

105,031,974

Khấu hao trong năm

15,000,000

Tại ngày 30/09/2017

120,031,974

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày 01/01/2017

54,968,026

Tại ngày 30/09/2017

39,968,026

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Quyền sử dụng đất VND	Giá trị nhà trên đất VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2017	5,836,987,368	1,042,048,528	6,879,035,896
Ghi giảm trong kỳ		(1,042,048,528)	(1,042,048,528)
<b>Tại ngày 30/09/2017</b>	<b>5,836,987,368</b>	<b>-</b>	<b>5,836,987,368</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2017	839,830,635	755,120,449	1,594,951,084
Ghi giảm trong kỳ		(755,120,449)	(755,120,449)
<b>Tại ngày 30/09/2017</b>	<b>839,830,635</b>	<b>-</b>	<b>839,830,635</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2017	4,997,156,733	286,928,079	5,284,084,812
<b>Tại ngày 30/09/2017</b>	<b>4,997,156,733</b>	<b>-</b>	<b>4,997,156,733</b>

Giá trị căn nhà trên đất và thửa đất số 9 ở địa chỉ số 29/3 đường D2, phường 2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Lô đất có thời hạn sử dụng là 50 năm (đến hết ngày 19/01/2056) theo Quyết định 1218/QĐ-UBND ngày 18 tháng 03 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/09/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>1. Đầu tư vào công ty con</b>	<b>112,610,000,000</b>			<b>57,410,000,000</b>		
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	40,000,000,000	-		40,000,000,000	-	
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C	7,410,000,000			7,410,000,000		
Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng CII E&C	10,000,000,000			10,000,000,000		
Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia (i)	55,200,000,000			-		
<b>5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>120,000,000,000</b>			<b>-</b>		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng XLHN (ii)	120,000,000,000			-		
<b>Cộng</b>	<b>232,610,000,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>57,410,000,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(i) Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển giao quyền sở hữu công ty con là Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia vào ngày 01 tháng 01 năm 2017, vốn góp của Công ty CII E&C tại Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia là 78,000,000,000 VNĐ, chiếm tỷ lệ 99.81%.

(ii) Vào ngày 19 tháng 5 năm 2017, Công ty CII EC đã mua trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội với tổng giá trị là 120.000.000.000 đồng bao gồm 120 trái phiếu, mệnh giá mỗi trái phiếu là 1 tỷ đồng, kỳ hạn trái phiếu là 5 năm (đáo hạn ngày 19 tháng 5 năm 2022) theo lãi suất thả nổi, 3 tháng điều chỉnh 1 lần bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng dành cho cá nhân được công bố bởi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam + biên độ 3.2%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**12. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Phải thu về cho vay là các bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh-vốn gốc	403,412,469,749	175,070,876,025
	<b>403,412,469,749</b>	<b>175,070,876,025</b>

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/09/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty Cổ phần ROADCO	7,356,566,490	7,356,566,490	3,390,807,713	3,390,807,713
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Vật tư Quốc Linh	-	-	2,704,877,336	2,704,877,336
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C	59,161,612,177	59,161,612,177	-	-
Công ty Cổ phần BeTon 6	-	-	2,301,444,600	2,301,444,600
Công ty TNHH XD Fico Corea	7,727,270,035	7,727,270,035	6,092,689,472	6,092,689,472
Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại An Phú Thành	-	-	9,227,568,100	9,227,568,100
Công ty CP Đầu tư Xây dựng BMT	13,538,012,465	13,538,012,465	6,620,111,558	6,620,111,558
Công ty CP Kỹ thuật Enviro	10,000,000,000	10,000,000,000	12,503,702,630	12,503,702,630
Công ty Cổ phần Cơ Khí -Điện Lữ Gia	1,392,263,250	1,392,263,250	-	-
Công ty CP Hạ tầng nước Sài Gòn	12,843,000	12,843,000	12,843,000	12,843,000
Các nhà cung cấp khác	11,274,203,376	11,274,203,376	16,317,380,142	16,317,380,142
<b>Cộng</b>	<b>110,462,770,793</b>	<b>110,462,770,793</b>	<b>59,171,424,551</b>	<b>59,171,424,551</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	139,648,708,807	117,284,531,428
<i>Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật Thành phố Hồ Chí Minh</i>	-	113,777,119,094
<i>Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Xa Lộ Hà Nội</i>	127,569,439,657	3,507,412,334
<i>Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu</i>	12,079,269,150	-
Các đối tượng khác	44,265,278,369	9,247,147,506
<i>Công ty Cổ Phần Thanh Bình Phú Mỹ</i>	4,597,699,863	-
<i>Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Hoa Lư Khác</i>	34,168,521,500	-
	<u>5,499,057,006</u>	<u>9,247,147,506</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>183,913,987,176</u></b>	<b><u>126,531,678,934</u></b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/09/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,581,480,532	11,660,677,130	5,326,449,633	8,915,708,030
Thuế thu nhập cá nhân	643,002,005	1,517,046,483	630,550,373	1,529,498,115
Thuế môn bài	-	3,000,000	3,000,000	-
Các khoản phải nộp khác	-	527,959,580	527,959,580	-
<b>Cộng</b>	<b><u>3,224,482,537</u></b>	<b><u>13,708,683,193</u></b>	<b><u>6,487,959,586</u></b>	<b><u>10,445,206,145</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	778,099,119	1,500,459,174
Bảo hiểm y tế	136,432,528	85,581,500
Bảo hiểm thất nghiệp	60,636,675	37,590,148
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	40,649,542,213	11,962,113
Phải trả về mua cổ phần	410,000,000	1,410,000,000
Phải trả lãi vay	2,203,869,276	69,444,444
Phải trả về vốn gốc hỗ trợ kinh doanh	244,345,588,815	-
Phải trả các đội giao khoán thi công các công trình xây dựng	10,003,820,538	19,150,275,544
Phải trả các Công ty thi công Quốc lộ 1 tỉnh Ninh Thuận	19,499,026,442	23,842,307,577
Các khoản phải trả, phải nộp khác	593,208,157	632,600,690
<b>Cộng</b>	<b>318,680,223,763</b>	<b>46,740,221,190</b>

*Trong đó, phải trả các bên liên quan*

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh- vốn hợp tác kinh doanh	244,345,588,815	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh- lãi hợp tác kinh doanh	2,134,424,832	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh- cổ tức lợi nhuận phải trả	21,165,112,000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	30/09/2017		Phát sinh trong năm		01/01/2017	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
<b>a. Ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 11, TP. Hồ Chí Minh (i)	98,871,148,953	98,871,148,953	124,845,307,811	163,711,568,281	137,737,409,423	137,737,409,423
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ii)	118,744,716,820	118,744,716,820	118,744,716,820	60,000,000,000	60,000,000,000	60,000,000,000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (iii)	311,534,841,564	311,534,841,564	443,776,217,574	422,853,694,771	290,612,318,761	290,612,318,761
<b>Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả</b>	<b>9,394,874,251</b>	<b>9,394,874,251</b>	<b>8,416,465,046</b>	<b>5,675,844,378</b>	<b>6,654,253,583</b>	<b>6,654,253,583</b>
<b>Cộng</b>	<b>538,545,581,588</b>	<b>538,545,581,588</b>	<b>695,782,707,251</b>	<b>652,241,107,430</b>	<b>495,003,981,767</b>	<b>495,003,981,767</b>
<b>b. Dài hạn</b>						
Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	22,100,757,610	22,100,757,610	12,801,000,000	8,166,820,712	17,466,578,322	17,466,578,322
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(9,394,874,251)	(9,394,874,251)	(8,416,465,046)	(5,675,844,378)	(6,654,253,583)	(6,654,253,583)
<b>Cộng</b>	<b>12,705,883,359</b>	<b>12,705,883,359</b>	<b>4,384,534,954</b>	<b>2,490,976,334</b>	<b>10,812,324,739</b>	<b>10,812,324,739</b>

(i) Số dư nợ vay ngắn hạn cuối kỳ là khoản vay theo hợp đồng tín dụng ký ngày 28 tháng 04 năm 2016 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh 11, thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức vay là 150.000.000.000 VNĐ, thời hạn của mỗi khoản vay là không quá 6 tháng. Lãi suất cho vay của các khoản vay là 7.5%/năm và được điều chỉnh định kỳ mỗi tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ của các công trình xây dựng mà Công ty đã sử dụng vốn vay để thi công

(ii) Số dư nợ vay ngắn hạn cuối kỳ là khoản vay theo hợp đồng tín dụng ký ngày 6 tháng 1 năm 2015 và phụ lục hợp đồng ngày 15 tháng 08 năm 2016 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức vay 120.000.000.000 VNĐ, thời hạn của mỗi khoản vay là không quá 12 tháng, số dư

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

nợ vay sẽ đáo hạn vào ngày 16 tháng 05 năm 2017. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ tuy nhiên không thấp hơn lãi suất ưu đãi của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh quy định theo từng thời kỳ. Lãi suất đang áp dụng cho nợ vay là 7.5%/năm. Mục đích của khoản vay là bảo lãnh và phát hành thư tín dụng để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của CII E&C với bên thứ 3. Công ty sử dụng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tương đương trị giá 15.000.000.000 VNĐ để đảm bảo cho khoản vay này.

(iii) Số dư nợ vay ngắn hạn cuối kỳ là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 001/2017/745412/HĐTD ngày 10/03/2017 với hạn mức cho vay ngắn hạn là 500.000.000.000 VNĐ, hạn mức dư nợ vay và bảo lãnh tối đa là 300.000.000.000 VNĐ giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Vĩnh Long. Thời hạn và lãi suất cho vay được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất và nhà văn phòng cho thuê tại số 29/3, đường D2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, hệ thống đúc hăng, xe ô tô Honda (CRV) mang BS 51A-835.2, xe ô tô Ford ( RANGER) mang BS 51C-394.48 và xe ô tô Hyundai ( SANTAFE) BS 51A-856.54 để đảm bảo cho khoản vay này

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Cộng VNĐ
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	<b>400,000,000,000</b>	<b>400,000,000</b>	<b>1,846,985,965</b>	<b>1,261,895,111</b>	<b>403,508,881,076</b>
Lợi nhuận trong năm				53,457,016,233	53,457,016,233
Tăng vốn trong năm	15,000,000,000				15,000,000,000
Chia cổ tức				(723,118,446)	(723,118,446)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi				(5,800,532,217)	(5,800,532,217)
Trích quỹ đầu tư phát triển				(4,644,152,124)	(4,644,152,124)
Thù lao cho HĐQT			4,644,152,124	(350,666,666)	4,293,485,458
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>	<b>415,000,000,000</b>	<b>400,000,000</b>	<b>6,491,138,089</b>	<b>43,200,441,891</b>	<b>465,091,579,980</b>
Tăng vốn trong năm					-
Lợi nhuận trong năm	-	-		43,563,309,724	43,563,309,724
Chia cổ tức trong năm	-	-		(41,500,000,000)	(41,500,000,000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi				(1,636,049,084)	(1,636,049,084)
Trích quỹ đầu tư phát triển			64,392,807	(64,392,807)	-
<b>Tại ngày 30/09/2017</b>	<b>415,000,000,000</b>	<b>400,000,000</b>	<b>6,555,530,896</b>	<b>43,563,309,724</b>	<b>465,518,840,620</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MẪU SỐ B 09-DN

Tên cổ đông	30/09/2017		01/01/2017	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	51.00%	211,651,120,000	49.00%	203,350,000,000
Các cổ đông khác	49.00%	203,348,880,000	51.00%	211,650,000,000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>415,000,000,000</b>	<b>100%</b>	<b>415,000,000,000</b>

	30/09/2017	01/01/2017
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	41,500,000	41,500,000
Số lượng cổ phần đã phát hành ra công chúng	41,500,000	41,500,000
+ Cổ phần phổ thông	41,500,000	41,500,000
Số lượng cổ phần đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phần phổ thông	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	41,500,000	41,500,000
+ Cổ phần phổ thông	41,500,000	41,500,000
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu từ hoạt động xây dựng	364,287,355,369	527,418,986,167
Doanh thu bán hàng	31,815,670,225	30,925,293,545
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	15,281,297,899	6,557,277,272
<b>Cộng</b>	<b>411,384,323,493</b>	<b>564,901,556,984</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán trả lại	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>411,384,323,493</b>	<b>564,901,556,984</b>

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VND
Giá vốn hoạt động xây dựng	297,938,618,948	460,387,383,456
Giá vốn hàng đã bán	26,875,684,165	35,458,987,174
Giá vốn của dịch vụ	10,489,837,065	6,178,292,627
<b>Cộng</b>	<b>335,304,140,178</b>	<b>502,024,663,257</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	23,721,018,933	20,680,272,997
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1,443,879,940	14,220,812,911
Chi phí sử dụng dụng vốn được hưởng từ nhà thầu	7,500,000,000	-
Lợi nhuận từ việc hoán đổi cổ phần	-	2,095,443,149
<b>Cộng</b>	<b>32,664,898,873</b>	<b>36,996,529,057</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VND
Chi phí lãi vay	34,669,699,311	25,896,024,926
Lãi phải trả nợ thuê tài chính	1,322,301,130	777,140,390
<b>Cộng</b>	<b>35,992,000,441</b>	<b>26,673,165,316</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

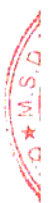
	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	9,371,186,570	6,480,677,158
Chi phí đồ dùng văn phòng	140,752,681	139,094,416
Chi phí khấu hao	827,178,000	471,032,466
Chi phí công tác, tiếp khách	1,257,954,423	1,639,292,515
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	2,587,232,292
Chi phí bằng tiền khác	5,335,438,707	617,326,526
<b>Cộng</b>	<b>16,932,510,381</b>	<b>11,934,655,373</b>

**6. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
Xử lý các khoản nợ phải trả	31,148,400	1,978
Thu nhập khác	105,405,567	31,818,352
<b>Cộng</b>	<b>136,553,967</b>	<b>31,820,330</b>

**7. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016
	VND	VND
Các khoản phạt thuế	552,786,145	1,354,545,776
Phạt vi phạm giao thông	34,000,000	12,000,000
Các khoản phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	20,703,899	(250,566,232)
Chi phí thanh lý TSCD	88,837,952	-
Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh	36,810,482	-
<b>Cộng</b>	<b>733,138,478</b>	<b>1,115,979,544</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>55,223,986,855</b>	<b>60,181,442,881</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Chi phí không được trừ	1,521,372,977	1,382,646,210
Cổ tức, lợi nhuận được chia, các khoản thu nhập khác	(1,823,369,899)	(14,220,812,911)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>54,921,989,933</b>	<b>47,343,276,180</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	10,984,397,987	9,468,655,236
Thuế TNDN, GTGT, TNCN truy thu năm 2016	676,279,144	1,201,417,715
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>11,660,677,131</b>	<b>10,670,072,951</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C	Công ty con
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C	Công ty con
Công ty CP Cơ khí-Điện Lữ Gia	Công ty con
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Xa Lộ Hà Nội	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Cầu Sài Gòn	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Xây Dựng Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty CP Kỹ thuật Enviro	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Hạ Tầng	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Đầu tư Hạ tầng VRG	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh địa ốc Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**Số dư với các bên liên quan**

	30/09/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi:		
<i>Ứng trước tiền mua đá Granite</i>	27,412,263,195	20,928,270,297
<i>Lợi nhuận được chia từ công ty con</i>	4,399,844,316	2,576,474,417
<i>Cho thuê thiết bị</i>	1,519,360,000	840,000,000
Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Xa Lộ Hà Nội:		
<i>Mua trái phiếu</i>	120,000,000,000	-
<i>Lãi phát sinh từ mua trái phiếu</i>	4,500,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh		
<i>Phải thu thi công</i>	11,332,527	11,332,527
<i>Phải thu vốn hợp tác đầu tư thi công dự án-gốc</i>	403,412,469,749	174,995,658,398
<i>Phải thu vốn hợp tác đầu tư thi công dự án-lãi</i>	7,071,018,913	75,217,627
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận: <i>Phải thu khối lượng thi công công trình mở rộng tuyến tránh Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận- giai đoạn 2 và trạm thu phí cà ná</i>	17,199,603,370	666,037,105
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Xây Dựng Ninh Thuận: <i>Phải thu khối lượng thi công xây dựng trạm thu phí Thành Hải</i>	1,280,288,994	1,280,288,994
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Cầu Sài Gòn: <i>Phải thu khối lượng thi công xây dựng cầu Sài Gòn</i>	475,696,190	475,696,190
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII: <i>Trả trước tiền mua cổ phần của Công ty CP Cơ khí điện Lữ gia</i>	-	78,000,000,000
<i>Ứng trước tiền mua giá long môn</i>	35,550,000	35,550,000
<i>Phải thu lãi hợp tác đầu tư</i>	-	-
Công ty CP Hạ tầng Nước Sài Gòn: <i>Phải thu thi công tuyến ống Củ Chi</i>	16,185,543,721	73,620,073,257
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C:		
<i>Tạm ứng tiền mua vật tư</i>	63,307,128,952	51,308,947,077
<i>Phải thu thanh lý TSCĐ</i>	-	1,958,994,963
<i>Phải thu cho thuê thiết bị</i>	244,519,990	-
<i>Phải thu khoản chi hộ</i>	20,033,722	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C:		
<i>Phải thu thanh lý TSCĐ</i>	1,136,707,201	-
<i>Phải thu bán vật tư</i>	24,591,693,031	-
<i>Phải thu cho thuê thiết bị</i>	8,149,979,260	-
<i>Tạm ứng chi phí thi công CT</i>	-	74,898,875,000
Công ty Cổ phần Cơ khí- Điện Lữ gia: <i>Thi công hệ thống an toàn giao thông</i>	-	2,553,351,450
<i>Lợi nhuận được chia</i>	15,000,000,000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng: <i>Tạm ứng vốn thi công</i>	-	16,500,000
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm: <i>Phải thu thi công dự án Thủ Thiêm</i>	8,920,664,157	49,018,200,071
Công ty Đầu tư Hạ tầng VRG: <i>Khối lượng thi công xây lắp công trình DT 741</i>	1,662,271,455	-
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Xa Lộ Hà Nội: <i>Nhận ứng trước khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa Lộ Hà Nội</i>	127,569,439,657	3,507,412,334
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh: <i>Ứng trước vốn thi công CT Thủ Thiêm</i>	-	113,788,451,621
<i>Phải trả vốn hợp tác đầu tư (hồng 98/2012)-gốc</i>	214,194,230,019	-
<i>Phải trả vốn hợp tác đầu tư (hồng 98/2012)-lãi</i>	1,757,532,847	-
<i>Phải trả vốn hợp tác đầu tư (hồng 18/2017)-gốc</i>	30,151,358,796	-
<i>Phải trả vốn hợp tác đầu tư (hồng 18/2017)-lãi</i>	376,891,985	
<i>Phải trả cổ tức</i>	21,165,112,000	
Công ty CP Hạ tầng Nước Sài Gòn: <i>Phí dịch vụ khắc phục sự cố</i>	12,843,000	12,843,000
Công ty CP Kỹ thuật Enviro: <i>Phải trả mua ống và phụ kiện</i>	10,000,000,000	12,503,702,630
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng: <i>phải trả phí vệ sinh mặt đường</i>	273,845,000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí- Điện Lữ gia: <i>phải trả phí di dời trạm thu phí</i>	1,392,263,250	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C: <i>phải trả thi công công trình Thủ Thiêm</i>	59,161,612,177	-
Công ty Đầu tư Hạ tầng VRG: <i>Khối lượng thi công xây lắp công trình DT 741</i>	-	3,500,000,000
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu : <i>Khối lượng thi công dự án QL60</i>	12,079,269,150	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**Nghiệp vụ với các bên liên quan**

	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VND
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh</b>		
<i>Nhận vốn hợp tác đầu tư thi công dự án theo hợp đồng 98/HĐHTĐT-CII</i>	471,000,000,000	562,900,000,000
<i>Hoàn trả vốn hợp tác đầu tư thi công dự án theo hợp đồng 98/HĐHTĐT-CII</i>	256,805,769,981	659,115,080,196
<i>Hỗ trợ vốn hợp tác đầu tư theo hợp đồng 41/2016</i>	244,000,000,000	-
<i>Nhận hoàn trả vốn hợp tác đầu tư theo hợp đồng 41/2016</i>	15,583,188,649	-
<i>Nhận vốn hợp tác đầu tư thi công dự án theo hợp đồng 18/2017</i>	200,000,000,000	-
<i>Hoàn trả vốn hợp tác đầu tư thi công dự án theo hợp đồng 18/2017</i>	169,848,641,204	-
<i>Chi phí sử dụng vốn phải trả theo hợp đồng 98/HĐHTĐT-CII</i>	2,951,762,866	9,239,189,218
<i>Trả chi phí sử dụng vốn theo hợp đồng 98/HĐHTĐT-CII</i>	1,194,230,019	13,828,741,493
<i>Chi phí sử dụng vốn phải trả theo hợp đồng 18/2017</i>	4,528,250,781	-
<i>Trả chi phí sử dụng vốn theo hợp đồng 18/2017</i>	4,151,358,796	-
<i>Chi phí sử dụng vốn phải thu theo hợp đồng 41/2016</i>	17,412,612,637	-
<i>Thu chi phí sử dụng vốn theo hợp đồng 41/2016</i>	10,416,811,351	-
<i>Trích cổ tức phải trả năm 2016</i>	21,165,112,000	-
<i>Chuyển tiền cổ tức</i>	-	73,000,000,000
<i>Nhận vốn thi công dự án Thủ Thiêm</i>	1,028,837,608	178,443,097,222
<i>Doanh thu thi công dự án Thủ Thiêm</i>	-	214,660,141,642
<i>Điều chỉnh cổ tức phải trả năm 2015</i>	-	717,817,241
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội</b>	-	-
<i>Thu tiền khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa Lộ Hà Nội</i>	193,435,574,119	99,821,135,683
<i>Doanh thu xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội</i>	63,066,860,723	87,991,102,314
<i>Mua trái phiếu</i>	120,000,000,000	-
<i>Lãi phát sinh từ mua trái phiếu</i>	4,500,000,000	-
<b>Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận:</b>		
<i>Thu tiền khối lượng thi công công trình mở rộng Quốc lộ 1A</i>	10,918,582,259	164,538,890,933
<i>Doanh thu xây lắp công trình mở rộng Quốc lộ 1A</i>	9,152,737,313	149,750,771,666

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chuyển tiền thực hiện công trình Trạm thu phí Cà Ná	-	1,071,452,705
Thu tiền khối lượng thi công trạm thu phí Cà Ná	11,664,162,490	18,455,590,185
Doanh thu xây lắp Trạm thu phí Cà Ná	26,407,545,427	-
Nhận nợ tạm ứng của Công ty BMT	-	9,568,635,609
Nhận nợ tạm ứng của Công ty Phú Vinh	-	316,659,013
Công ty CP Hạ tầng Nước Sài Gòn:	-	-
Doanh thu thi công dự án Củ Chi	19,090,874,968	43,214,312,259
Thu tiền khối lượng thi công dự án Củ Chi giai đoạn 1	-	13,805,539,970
Thu tiền khối lượng thi công dự án Củ Chi giai đoạn 2	78,434,492,000	19,458,158,700
Chuyển trả tiền khối lượng thi công dự án Củ Chi theo quyết toán giai đoạn 1	-	11,578,561,026
Chi phí súc xả khử trùng tuyến ống	-	1,515,762,105
Chuyển trả tiền súc xả khử trùng tuyến ống Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	1,584,660,383
Doanh thu thi công	209,494,303,216	-
Thu tiền thi công dự án Thủ Thiêm	155,723,980,223	-
Công ty Đầu tư Hạ tầng VRG:	-	-
Doanh thu thi công	25,129,122,424	-
Thu tiền thi công dự án DT 741	22,479,763,211	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	-	-
Doanh thu thi công dự án QL60	11,945,911,298	-
Thu tiền thi công dự án QL60	25,219,771,578	-
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi:	-	-
Ứng trước tiền mua đá Granite	8,500,000,000	42,451,960,000
Công ty NBB hoàn trả lại tiền ứng mua đá Granite theo hợp đồng 95/HĐKT	-	14,151,960,000
Nhập kho đá granite	1,832,733,729	13,270,065,378
Doanh thu cấp phát bảo hộ lao động	-	31,818,182
Lợi nhuận được chia từ đầu tư	1,823,369,899	3,844,844,117
Thu tiền lợi nhuận được chia từ đầu tư	-	4,095,387,605
Thi công bóc tầng phủ	-	14,005,137,273
Doanh thu cho thuê thiết bị	2,335,781,818	5,760,000,000
Thu tiền thi công bóc tầng phủ và cho thuê thiết bị	1,890,000,000	20,101,651,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII:	-	-
Phải thu lãi hợp tác đầu tư	-	7,800,000,000
Thu tiền chi phí sử dụng vốn	-	7,800,000,000
Chuyển sang đầu tư vào công ty con LGC	78,000,000,000	-
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C:	-	-
Tạm ứng tiền mua vật tư	133,088,125,837	-
Vay chuyển tiền mua vật tư	238,400,823,959	-
Công ty VLXD CII E& C hoàn trả lại tiền	209,442,667,444	-
Nhập kho vật tư	136,786,498,211	-
Cho thuê thiết bị	1,808,876,032	-
Phải thu tiền chi hộ điện nước	158,002,304	-
Thu tiền điện nước đã chi hộ	91,927,988	-
Phải trả tiền chi hộ điện nước	46,040,594	-
Công ty VLXD CII EC nhận nợ các công ty	417,047,548	-
Thu tiền bán vật tư	2,958,994,963	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công ty TNHH MTV Xây dựng dân dụng CII E&C:

Tạm ứng chi phí thi công CT	72,413,983,703	-
Công ty XDDD CII E&C hoàn trả lại vốn thi công	116,000,000,000	-
Mua TSCĐ	49,000,000	-
Mua CCDC	65,600,000	-
Vay chuyển tiền cho Cty XDDD	162,307,869,200	-
Cty XDDD chuyển trả lại tiền	162,307,869,200	-
Doanh thu bán vật tư	22,356,084,574	-
Doanh thu cho thuê thiết bị	7,409,072,054	-
Thanh lý tài sản	1,033,370,183	-
Chi phí thi công lộ 3.1 Thủ Thiêm	82,134,918,982	-
Công ty CP Kỹ thuật Enviro:		
Thanh toán tiền mua ống và phụ kiện giai đoạn 2	12,528,305,086	-
Nhập kho ống và phụ kiện	9,113,274,960	-
Công ty Cổ phần Cơ khí- Điện Lữ gia:		
Chi phí di dời trạm thu phí	3,586,922,455	-
Thu tiền cho thuê thiết bị	17,100,000	-
Cho thuê thiết bị	15,545,454	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng:		
Thanh toán tiền thi công	46,500,000	-
Chi phí thi công sơn đường, vệ sinh mặt đường	306,222,727	-

**Nguyễn Thị Khánh Phương**  
Người lập biểu  
Ngày 19 tháng 10 năm 2017

**Bùi Xuân Phước**  
Kế toán trưởng



**Phạm Vũ Thứ**  
Tổng Giám đốc